TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Khuyên

Ông Nguyễn Tiến Sửu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Minh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:* Ông Đỗ Xuân Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1988 (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều cư trú: TDP L, thị trấn L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến D ngày 04/11/2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh D. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau và chị đã làm đơn ra Tòa án để xin ly hôn sau đó lại xin rút đơn, tuy nhiên

sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, quá trình sống ly thân vợ chồng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm. Đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/8/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh D, tuy nhiên việc chăm sóc các cháu đều do bố anh D là ông Nguyễn Văn M thực hiện vì anh D thường xuyên đi làm vắng nhà. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi cháu G và cháu B, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Tiến D đến Tòa án làm việc, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thu lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Lệ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/8/2011, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Tiến D có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Lập Thạch, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện LT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Nguyễn Tiến D: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải nhưng anh D không đến Tòa án. Tại phiên tòa, anh D vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh D là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Chị T và anh D đã sống ly thân từ tháng 11/2023 cho đến nay và anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn anh D. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lập Thạch để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D có nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống năm 2021 địa phương được biết chị T có làm đơn xin ly hôn với anh D, sau đó lại rút đơn; Tòa án tiến hành lấy lời khai của bố anh D là ông Nguyễn Văn Minh ông cho biết vợ chồng chị T và anh D có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần anh D đến Tòa án làm việc và tham gia phiên họp hòa giải, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do; điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị được ly hôn anh D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/8/2011, hiện nay cháu G và cháu B đang ở với anh D. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu G và cháu B, chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Mặc dù cháu G và cháu B đang ở cùng anh D nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh D không đến Tòa án làm việc và thể hiện quan điểm về nuôi con, mặt khác ông M là bố anh D cho biết anh D thường xuyên đi làm ăn xa việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đều do ông thực hiện, cháu G và cháu B đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định của pháp luật, nên cần giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G và cháu B; Do chị T không yêu cầu nên anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị G, sinh ngày 28/8/2006 và cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 23/8/2011. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000203 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Lập Thạch (ĐKKH năm 2005);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân